

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐÀM
AN TOÀN HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC
Số ~~781~~./CTHTHMB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2025

V/v kê khai giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Kính gửi :

- Bộ Xây dựng;
- Cục hàng hải và đường thủy Việt Nam;
- UBND thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh, Tỉnh Nghệ An, Thành phố Đà Nẵng;
- Cảng vụ hàng hải Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Thực hiện quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/07/2025.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./. *mt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT ĐATHH Việt Nam (để b/c);
- Chủ tịch Công ty; Ban KS (để b/c);
- Chi nhánh HT.III, HT.IV, HT.VI;
- Lưu: HC, TCKT.



Nguyễn Đức Thành

- Họ tên người nộp văn bản: Nguyễn Thị Thắm
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai : Số 19 đường Đà Nẵng, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc : 0225.3827511 - 0973557928
- Email: congyhoatieumienbac@vnn.vn
- Số fax: 0225.3552300
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: www.pilotconorth.com

Ghi nhận ngày nộp văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo văn bản số 72/CTHTHHMB ngày 30 tháng 06 năm 2025 về việc kê khai giá hàng hoá, dịch vụ của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc)

I/ Mức giá kê khai:

Các mức giá tại Bảng kê khai giá này đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng

1. Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kê khai kỳ liên kế trước (văn bản số 464/CTHTHHMB ngày 27/12/2024)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý;	Đồng/GT	Bán lẻ	64,80	64,80	01/07/2025	Không	Không	
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi).	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	64,80	64,80	01/07/2025	Không	Không	

1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại;	Đồng/GT/HL	Bán lẻ	27,00	27,00	01/07/2025	Không	Không	
1.4	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải nội địa tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/lượt	Bán lẻ	2.160.000	2.160.000	01/07/2025	Không	Không	
1.5	Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá đối đa quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, Bảng kê khai giá này thấp hơn giá tối đa theo lượt quy định tại điểm 1.4 Bảng kê khai giá này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại điểm 1.4 Bảng kê khai giá này.								
1.6	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá:		Bán lẻ			01/07/2025	Không	Không	
	- Hoa tiêu	Đồng/người/giờ		32.400	32.400				
	- Hoa tiêu và phương tiện	Đồng/người và phương tiện/giờ		216.000	216.000				
	+ Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;								

2. Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kê khai kỳ liên kế trước (văn bản số 464/CTHTH HMB ngày 27/12/2024)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý;	USD/GT	Bán lẻ	0,01620	0,01620	01/07/2025	Không	Không	
2.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Hòn La (tỉnh Quảng Bình); Vạn Gia (tỉnh Quảng Ninh).	USD/GT/HL	Bán lẻ	0,00486	0,00486	01/07/2025	Không	Không	
2.3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại điểm 2.1, 2.2 nêu trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Phần khoảng cách đến 10 hải lý; - Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý; - Phần khoảng cách trên 30 hải lý;	USD/GT/HL USD/GT/HL USD/GT/HL	Bán lẻ	0,003672 0,002376 0,00162	0,003672 0,002376 0,00162	01/07/2025	Không	Không	
2.4	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 2.3 của bảng kê khai giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:								

a.	Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 2.3 Bảng kê khai giá này;							
b.	Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 2.3 Bảng kê khai giá này;							
c.	Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 2.3 Bảng kê khai giá này;							
2.5	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải quốc tế theo lượt dẫn tàu							
a.	Giá đối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại điểm 2.2, 2.3 Bảng kê khai giá này	USD/ lượt	Bán lẻ		324,00	01/07/2025	Không	Không
b.	Giá đối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại điểm 2.1 Bảng kê khai giá này	USD /lượt	Bán lẻ		108,00	01/07/2025	Không	Không
c.	Giá đối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá) là:	USD/lượt	Bán lẻ		43,2	01/07/2025	Không	Không
2.6	Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Bảng kê khai giá này thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu quy định tại điểm 2.5 Bảng kê khai giá này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại điểm 2.5 Bảng kê khai giá này.							
2.7	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ	USD/ người/giờ USD/ người và phương tiện/giờ	Bán lẻ		10,80 21,60	10,80 21,60	01/07/2025	Không Không

+ Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Giá kê khai kỳ liền kề trước là giá đã bao gồm: thuế GTGT 8%.

Giá kê khai kỳ này là giá đã bao gồm: thuế GTGT 8%.

Đối với các đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% thì giá áp dụng bằng giá kê khai (cột 6) chia cho $(1 + 8\% \text{ GTGT})$.

Trường hợp Nhà nước thay đổi mức thuế suất thuế GTGT thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế.

Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải cung cấp cho tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa.

Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật. Tỷ giá VND/USD áp dụng là tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản công bố tại Ngân hàng Công ty, Chi nhánh của Công ty kê khai giá mở tài khoản.

II/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc tiến hành kê khai theo Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam và Nghị quyết số 204/2025/QH15 Nghị quyết kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV áp dụng mức thuế 8% đến 31/12/2026. Tại bảng kê khai giá này, không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ.

Công ty tiến hành kê khai để đảm bảo phù hợp với Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, có hiệu lực từ ngày 10/7/2024.

Các mức giá kê khai mới sau khi tách thuế GTGT đều trong khung giá quy định tại Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông Vận tải.

III/ Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng

Mức giá kê khai theo quy định tại Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam. Các trường hợp tính giá cụ thể được áp dụng theo Điều 8 Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải và Điều 5 Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1.1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

- a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có kết nước dằn;
- b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

1.2. Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ.

1.3. Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế.

1.4. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó.

1.5. Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì được áp dụng bằng 110% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng kê khai giá này.

257
HẠN
TIỀN
3 HÃ
C
1 PH

1.6. Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai thì được áp dụng bằng 150% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng kê khai giá này.

1.7. Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất thì được áp dụng bằng 110% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng kê khai giá này.

1.8. Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng.

1.9. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, thì được phép áp dụng bằng 70% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng kê khai giá này.

2. Các trường hợp tính giá cụ thể

2.1. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc huỷ bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 32.400 đồng/người/giờ đối với hoạt động nội địa và 10,8 USD/người/giờ đối với hoạt động quốc tế. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 216.000 đồng/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động nội địa và 21,6 USD/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động quốc tế. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã huỷ bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Mục I Bảng kê khai giá này.

2.2. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu được tính không vượt quá giá tối đa theo lượt theo quy định tại mục I.1.4 Bảng kê khai giá này đối với hoạt động hàng hải nội địa và mục I.2.5 Bảng kê khai giá này đối với hoạt động hàng hải quốc tế

2.3. Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 324.000 VNĐ/tàu/lượt đối với tàu hoạt động nội địa và 32,4 USD/tàu/lượt đối với tàu hoạt động quốc tế.

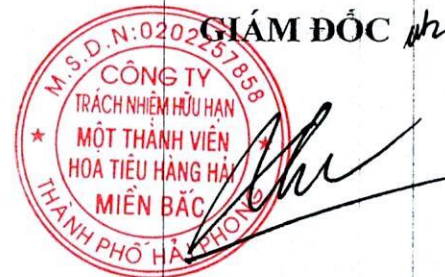
2.4. Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 270.000 VNĐ/giờ đối với hoạt động nội địa và 108 USD/giờ đối với hoạt động quốc tế, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi.

2.5. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng kê khai giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

2.6. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng kê khai giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

2.7. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng kê khai giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 324 USD.

Mức kê khai giá này thực hiện từ 00 giờ 00 ngày 01/07/2025.



Nguyễn Đức Thành